TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HC-PT
Ngày 24-5-2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Cảnh và bà Nguyễn Thị Kim Hồng
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:*** Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2018/TLPT-HC ngày 02 tháng 02 năm 2018 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2018/QĐPT-HC ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trương Đình C.
Địa chỉ: 48 Nguyễn Tất T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. *Người bị kiện:*
Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Địa chỉ: 02 Lê L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Nguyễn Kim Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (Theo giấy ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 12/9/2016 và giấy ủy quyền số 21/GUQ-UBND ngày 07/12/2016). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện: Bà Cao Thị T. Địa chỉ: 48 Nguyễn Tất T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Trương Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện là ông Trương Đình C trình bày: Gia đình ông là chủ sở hữu căn nhà 11B L, thành phố P, tỉnh Gia Lai thuộc một trong 14 hộ dân nằm trong dự án giải phóng mặt bằng mở rộng công viên L, theo quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình bồi thường, việc đo đạc của Ban bồi thường tái định cư và Phát triển quỹ đất thành phố P không chính xác, không công bằng giữa các hộ dân ảnh hưởng tới quyền lợi của gia đình ông. Cụ thể: việc bồi thường không tính đến phần diện tích đất trước sân nhà là 8,771 m^2 ; trong khi đó hộ ông Phan Văn T liền kề bên cạnh là căn nhà 15 L, thành phố P, tỉnh Gia Lai cùng có hiện trạng lại được bồi thường phần diện tích đất trước sân nhà.

Vì tiến độ thi công của dự án, ngày 07/3/2011 gia đình ông đã bàn giao mặt bằng, nhận tiền hỗ trợ đợt một. Ngày 25/4/2011, Ban bồi thường mời gia đình ông lên nhận số tiền hỗ trợ bổ sung đợt hai theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố P. Do ông không đồng ý với nội dung Quyết định này nên gia đình ông đã không nhận số tiền bồi thường đợt hai là 87.710.000 đồng và ông có đơn khiếu nại, khiếu nại bản chi giá trị bồi thường, hỗ trợ căn nhà 11B L theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011. Ngày 16/9/2011 Ủy ban nhân dân thành phố P đã có văn bản số 1032/UBND-TH, về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 ông không có ý kiến gì. Nhưng về nội dung Quyết định này ông không đồng ý, vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, không tính toán đến phần diện tích 8,771 m^2 đất trước sân nhà như ông đã trình bày. Đối với Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân thì thủ tục giải quyết khiếu nại không đúng trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án:

1/ Hủy điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV, Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P "về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án: mở rộng công viên L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai" vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, không tính toán đến phần diện tích 8,771 m^2 đất trước sân nhà.

2/ Hủy bỏ văn bản số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân không phải là quyết định hành chính của người có thẩm quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là ông Nguyễn Kim Đ trình bày:

1/ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C, khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P hủy bỏ một phần quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Mở rộng công viên L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cụ thể: hủy điểm 1.3 khoản 1, mục IV tại Điều 1) với lý do: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bổ sung diện tích phần trước sân nhà còn thiếu là 8,771 m^2 x 10.000.000đồng/m^2 = 87.710.000 đồng, ông Đ trình bày:

Ngày 14/7/2010 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 1068/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Mở rộng công viên L, thành phố P, tỉnh Gia Lai (đợt 2), trong đó có hộ ông Trương Đình C với số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt sau khi hoán đổi đất là 780.097.965đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân thành phố P đã chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất cùng với các cấp chính quyền địa phương đã nhiều lần tổ chức cuộc họp để giải quyết các kiến nghị và vận động, giải thích cho hộ gia đình ông Trương Đình C. Tại các buổi làm việc và các đơn kiến nghị của ông C chỉ đề cập đến việc đơn giá bồi thường thấp, vị trí đất tái định cư, chính sách hỗ trợ, khen thưởng, ông C không đề cập đến việc đo đạc diện tích thiếu (thể hiện tại biên bản làm việc ngày 23/10/2010, ngày 30/12/2010; đơn kiến nghị ngày 28/12/2010; buổi đối thoại do Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì ngày 16/02/2011).

Ngày 22/02/2011 các phòng ban chuyên môn của Thành phố đã tiến hành phúc tra khối lượng bồi thường, hỗ trợ đã bổ sung một số khối lượng trên thực tế còn thiếu của hộ ông C (Có Biên bản kèm theo). Riêng phần diện tích trước nhà của hộ ông C đề nghị bổ sung, các thành viên cuộc họp không thống nhất nên không đưa vào biên bản, vì phần đất này không thuộc hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông C, theo đó hộ ông C đã thống nhất kết quả đo đạc theo hiện trạng sử dụng là 152,4m^2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 120,2m^2) ông C đồng ý ký vào trích lục đất thu hồi.

Trên cơ sở đó, Hội đồng bồi thường, Hỗ trợ và tái định cư thành phố P thẩm định phương án điều chỉnh theo đúng quy định và ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 *(Về việc phê duyệt, điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Mở rộng công viên L, thành phố P, tỉnh Gia Lai),* tại {điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV, Điều 1 là Trương Đình Châu + Cao Thị Trang - địa chỉ 11B L, tổng số tiền bồi thường được duyệt và hỗ trợ được duyệt là: 847.339.640 đồng (trong đó: Bồi thường về đất là 564.000.000đồng; bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu là 268.379.640đồng; khoản hỗ trợ là 14.960.000 đồng)}. Ngày 09/3/2011 hộ ông Trương Đình C đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ là 760.000.000đồng, số tiền còn lại 87.339.640đồng (trong đó số tiền theo Quyết

định số 680/QĐ-UBND còn lại 67.241.675 đồng; số tiền còn lại theo Quyết định số 1068/QĐ-UBND là 20.097.965 đồng, khấu trừ 5.000.000đồng vì không chi trả khen thưởng do di chuyển không đúng tiến độ, còn lại 15.097.965đồng) như vậy số tiền còn lại hộ gia đình ông C chưa nhận là 82.339.640đồng.

Ngày 20/6/2013 Trung tâm có Thông báo số 29/TB-TTPTQĐ về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông C, tuy nhiên hộ gia đình ông C vẫn không đến nhận số tiền còn lại 82.339.640đồng. Ngày 16/02/2012 Trung tâm phát triển quỹ đất nhận được Thông báo số 299/TB-KBGL của Kho bạc nhà nước Gia Lai về việc thu hồi vốn đầu tư xây dựng cơ bản của dự án: Mở rộng Công viên L. Theo đó, ngày 20/4/2012 Trung tâm đã có Thông báo số 11/TB-TTPTQĐ về việc tổ chức chi trả số tiền còn lại cho hộ gia đình ông C trong đó có nêu rõ nếu hộ gia đình ông C không đến nhận số tiền còn lại thì Trung tâm sẽ nộp số tiền trên vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Gia Lai để quyết toán hồ sơ của dự án, tuy nhiên hộ gia đình ông C vẫn không đến nhận. Ngày 17/6/2013 Trung tâm phát triển quỹ đất tiếp tục nhận được Thông báo số 346/TB-KBGL của Kho bạc Nhà nước Gia Lai về việc thu hồi vốn đầu tư xây dựng cơ bản (lần 2). Ngày 02/7/2013, Trung tâm đã làm thủ tục nộp lại số tiền trên vào ngân sách.

Việc bồi thường dựa trên cơ sở hồ sơ pháp lý và kết quả đo đạc thực tế bồi thường. Đối với hộ gia đình ông Trương Đình C thì việc bồi thường đền bù giải tỏa là theo đúng quy định pháp luật. Theo công văn số 2006/UBND-CN ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chỉ cho bồi thường về diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng, đối với hộ gia đình ông C không sử dụng diện tích 8,771 m^2 phần trước sân nhà, vậy nên Ủy ban nhân dân thành phố P không có căn cứ để bồi thường phần diện tích đất này cho hộ ông C.

2/ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C, khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, đề nghị Tòa án thành phố P hủy bỏ văn bản số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P, về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân, vì văn bản này không phải là quyết định hành chính của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại và văn bản trả lời không cụ thể, không xem xét đến các chứng cứ có giá trị pháp lý, ông Đ trình bày như sau:

Gia đình ông Trương Đình C vì không đồng ý với điểm 1.3 khoản 1, mục IV tại Điều 1 của quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố P, về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồ thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Mở rộng công viên L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nên gia đình ông C có đơn khiếu nại gởi Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, ngày 27/7/2011 Ủy ban nhân dân thành phố P nhận được Công văn số 2278/UBND-NC của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ông Trương Đình C khiếu nại liên quan đến bồi thường, hỗ trợ căn nhà 11B L thuộc Dự án Mở rộng công viên L. Sau khi xem xét nội dung đơn, Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 để trả lời cho người khiếu nại, tại nội dung của văn bản số 1032, Ủy ban nhân dân thành phố P trả lời đầy đủ về những vấn đề khiếu nại của ông C và bà T.

Tuy nhiên việc trả lời khiếu nại bằng văn bản và thẩm quyền ký trả lời văn bản số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P và thẩm quyền ký ban hành quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là chưa đúng qui định, Ủy ban nhân dân thành phố P xin rút kinh nghiệm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên khởi kiện:* Bà Cao Thị T nhất trí với trình bày của người khởi kiện là ông Trương Đình C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Bác đơn khởi kiện của ông Trương Đình C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên khởi kiện bà Cao Thị T về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P cần rút kinh nghiệm trong việc ban hành các quyết định hành chính đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Buộc ông Trương Đình C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002178 ngày 28/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 12 năm 2018, người khởi kiện là ông Trương Đình C có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trương Đình C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV, Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và văn bản số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố P do sai về thẩm quyền ban hành và nội dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến sau: Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của ông Trương Đình C, sửa bản án sơ thẩm, hủy Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P và hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P tại điểm 1.3

phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV, Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đánh giá tính hợp pháp về hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P và Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P , Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, nhưng Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 lại do Chủ tịch UBND thành phố ban hành là không đúng thẩm quyền luật định, về hình thức phải là Chủ tịch UBND thành phố P thay mặt UBND thành phố P ký mới đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được Quyết định số 680/QĐ-UBND nêu trên, ông C không đồng ý nên đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố P, nhưng chưa được giải quyết, ông tiếp tục khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai; ngày 27/7/2011 UBND tỉnh Gia Lai có Công văn số 2278/UBND-NC gửi cho UBND thành phố P về việc khiếu nại bồi thường, hỗ trợ căn nhà số 11B đường L. Ngày 16/9/2011 UBND thành phố P lại ban hành Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 để giải quyết khiếu nại cho ông C là không đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo thì sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông C thì Chủ tịch UBND thành phố P là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại thì mới đúng quy định pháp luật.

Như vậy, hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P và Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P là không đúng quy định pháp luật, vi phạm một trong những tiêu chí đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P và Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P là không hợp pháp.

Tuy nhiên, Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư liên quan đến nhiều hộ mà các hộ này không có khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Trương Đình C, sửa bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P tại điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV, Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố P và hủy Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P.

Do hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P và hủy Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về phần nội dung của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P và Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 của UBND thành phố P.

[2]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P cùng liên đới chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, sửa bản án hành chính sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính phủ; Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH 10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2004/QH11 và Luật số 58/2005/QH11;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Đình C.

Sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình C.

Hủy một phần Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P tại điểm 1.3 phần 1 bảng tổng hợp điều chỉnh, mục IV của Điều 1 của Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố P và hủy Công văn số 1032/UBND-TH ngày 16/9/2011 về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân của Ủy ban nhân dân thành phố P.

2. Về án phí: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P cùng liên đới chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Trương Đình C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trương Đình C 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại biên lai thu số 0002178 ngày 28/10/2015 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại biên

lai số 0003104 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, THC, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh **Nguyễn Thị Kim Hồng** **Nguyễn Thị Xuân Hương**